Xây dựng Hệ Thống hỏi đáp nội quy trường ĐH CNTT (UIT)

1. Tổng quan

Hệ thống hỏi đáp phát triển cho trường Đại học Công nghệ Thông tin, được ứng dụng để cung cấp thông tin về ngành học, phương thức xét tuyển và môi trường học tập cho học sinh và phụ huynh. Nhờ khả năng cá nhân hóa và phản hồi nhanh chóng, hệ thống không chỉ giảm tải cho đội ngũ tư vấn mà còn nâng cao trải nghiệm người dùng.

2. Dataset

Bộ dữ liệu UIT-R2RQA gồm các câu hỏi về tuyển sinh và các văn bản tương ứng. Bộ dữ liệu có các cột: index, context, article, document, question, extractive answer, abstractive answer, yes/no

Bộ dữ liệu được chia thành 3 tập:

Train: 7806 mẫu
Valid: 976 mẫu
Test: 976 mẫu

Trong đó, tập corpus có tổng công 294 cặp (context, article, document) duy nhất.

Các tập train, valid và test không chỉ để tạo tập corpus mà còn sử dụng để huấn luyện và đánh giá các các mô hình sentence transoformer nhằm mục đích cải thiện kết quả truy vấn.

3. Phương pháp

Semantic Search

Semantic Search hoạt động bằng cách chuyển đổi câu truy vấn và văn bản/tài liệu thành vector trong không gian nhiều chiều, sau đó so sánh độ tương đồng giữa các cặp vectơ truy vấn và vector tài liệu để tìm kết quả phù hợp nhất.

Phương pháp này sử dụng **độ tương đồng** (cosine similarity) để đo lường mức độ liên quan giữa truy vấn và dữ liệu. Các vector được tạo bởi các embedding models. Khi truy vấn, hệ thống tìm **k vector tài liệu gần nhất** với vector truy vấn trong không gian embedding, giúp truy xuất tài liệu liên quan.

Sử dụng semantic search với các model

- Vietnamese-bi-encoder
- Halong_embedding

Vietnamese-bi-encoder là mô hình sentence transformer được thiết kế để tạo ra các vector embedding 768 chiều cho văn bản tiếng Việt, hỗ trợ các tác vụ như tìm kiếm ngữ nghĩa và đo

lường độ tương đồng giữa các câu, văn bản tiếng Việt. Nó được huấn luyện trên tập dữ liệu tiếng Việt bằng mô hình base là Phobert-base-v2, do đó, Vietnamese-bi-encoder có context length là 256 tokens.

Halong_embedding là mô hình sentence transfomer cho tiếng Việt tập trung vào hiệu quả trong các ứng dụng như RAG (Retrieval-Augmented Generation). Halong_embedding cũng tạo ra các vector embedding 768 chiều cho văn vản tiếng Việt. Mô hình pre-train này được huấn luyện trên khoảng 100.000 cặp câu hỏi và tài liệu liên quan, sử dụng hàm mất mát Matryoshka từ mô hình base là multilingual-e5-base, cho phép giảm kích thước vector nhúng mà không làm giảm đáng kể hiệu suất. Điều này giúp tăng tốc độ so sánh và tìm kiếm văn bản. Mô hình này có context length là 512 tokens.

Cả hai mô hình Vietnamese-bi-encoder và Halong_embedding đều thuộc loại bi-encoder trong kiến trúc sentence transformers. Trong phương pháp bi-encoder, mỗi câu hoặc đoạn văn được encode độc lập thành vector trong không gian nhiều chiều. Điều này cho phép tính toán nhanh chóng độ tương đồng giữa các văn bản bằng cách đo độ tương tự giữa các vector.

Phương pháp huấn luyện bi-encoder:

- 1. Chuẩn bị dữ liệu: Thu thập các cặp câu hỏi (anchor) và văn bản có liên quan (positive).
- 2. Mã hóa độc lập: Sử dụng mô hình transformer để mã hóa từng câu trong cặp thành vector riêng biệt.
- 3. Tính toán độ tương đồng: Sử dụng các phép đo như cosine similarity để đánh giá mức độ tương đồng giữa các vector.
- 4. Hàm mất mát: Áp dụng hàm mất mát MultipleNegativesRankingLoss để tối ưu hóa mô hình sao cho các cặp câu liên quan có độ tương đồng cao và các cặp không liên quan có độ tương đồng thấp.

Đối với mô hình Halong_embedding, một kỹ thuật đặc biệt được sử dụng trong quá trình huấn luyện là Matryoshka loss. Kỹ thuật này cho phép giảm kích thước vector embedding mà không làm giảm đáng kể hiệu suất, giúp tăng tốc độ so sánh và tìm kiếm văn bản.

Keyword search

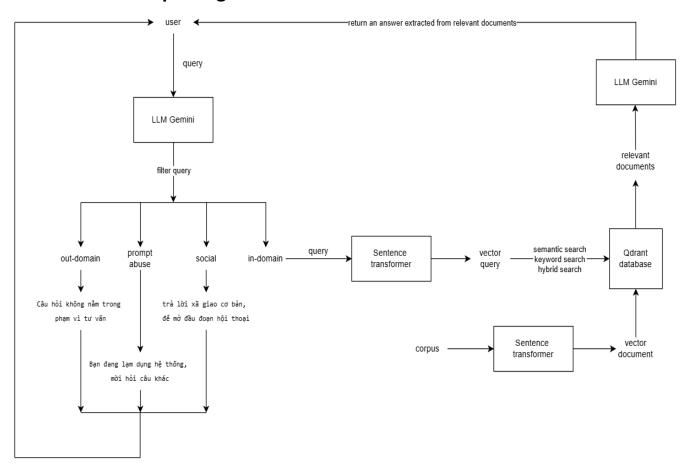
BM25 (Best Matching 25) là một thuật toán truy xuất thông tin tiên tiến, cải tiến từ TF-IDF, bằng cách kết hợp tần suất từ khóa (TF), độ hiếm của từ khóa (IDF), và điều chỉnh độ dài tài liệu thông qua các tham số k và b. So với TF-IDF, BM25 xử lý tốt hơn các tài liệu dài và truy vấn phức tạp, mang lại độ chính xác cao hơn. Tuy nhiên, BM25 phức tạp hơn và cần điều chỉnh tham số, trong khi TF-IDF đơn giản, dễ triển khai nhưng kém hiệu quả với tài liệu dài và truy vấn phức tạp. BM25 phù hợp cho hệ thống tìm kiếm hiện đại, còn TF-IDF thích hợp cho các ứng dụng đơn giản.

Hybrid search

Hybrid search là kỹ thuật kết hợp semantic search và keyword search với trọng số alpha tùy chỉnh từ 0 tới 1:

- Nếu alpha = 0, chỉ sử dụng bm25 (key word search)
- Nếu alpha = 1, chỉ sử dụng vector search (semantic search)

4. Kiến trúc hệ thống



5. Đánh giá truy xuất thông tin

Mô hình	Phương pháp truy xuất	Hit_rate@10	MRR@10	ndcg@10
Vietnamese-bi- encoder (pre-train)	Keyword search	0.7284	0.4990	0.5540
	Semantic search	0.7469	0.4935	0.5538
	Hybrid 0.5	0.7284	0.4990	0.5540
Vietnamese-bi- encoder (trained)	Keyword search	0.9395	0.7059	0.7629
	Semantic search	0.9620	0.7793	0.8245
	Hybrid 0.5	0.9395	0.7059	0.7629
Halong_embedding (pre-train)	Keyword search	0.8739	0.6367	0.6941
	Semantic search	0.8995	0.6949	0.7449
	Hybrid 0.5	0.8739	0.6367	0.6941
Halong_embedding (trained)	Keyword search	0.9620	0.7468	0.7995
	Semantic search	0.9733	0.8263	0.8626
	Hybrid 0.5	0.9620	0.7468	0.7995

Sau khi được huấn luyện, có thể thấy hiệu quả cải thiện rõ rệt. Bên cạnh đó, Halong_embedding có context length 512 tokens, lớn gấp đôi so với Vietnamese-bi-encoder cũng cho phép mô hình được nhận nhiều thông tin hơn từ văn bản đầu vào, từ đó cho kết quả truy xuất tốt hơn.

6. DEMO

Môt số hình ảnh demo



